

Số: /QĐ-TTQT

Khánh Hòa, ngày tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025 của Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 347/QĐ-SNNMT ngày 23/4/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị;

Căn cứ Quyết định số 358/QĐ-SNNMT ngày 24/4/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;
Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 của Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính, Trưởng các phòng thuộc Trung tâm, Kế toán và các đơn vị liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như Điều 3;
- Sở NNMT (báo cáo);
- Công thông tin điện tử Sở NNMT;
- Lưu :VT, Huyen.

GIÁM ĐỐC

Đồng Thị Quyên

Đơn vị: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa
Chương: 412

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTQT ngày /4/2025
của Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
I	Nguồn ngân sách trong nước	374,4
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	374,4
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	374,4
	- KP hỗ trợ Lễ, Tết Nguyên đán	14,4
	- Vận hành trạm quan trắc tự động môi trường không khí tự động tại thôn Ninh Ích, xã Ninh An, thị xã Ninh Hòa năm 2025	360
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	